



小手撕不破

0~3岁 李素荣 编

识数



黄河出版传媒集团
阳光出版社

1

one

gè bù wá wa
1 个布娃娃



two

kuài dàn gāo
2 块蛋糕

2



3

three

gè hàn bǎo
3 个汉堡



four

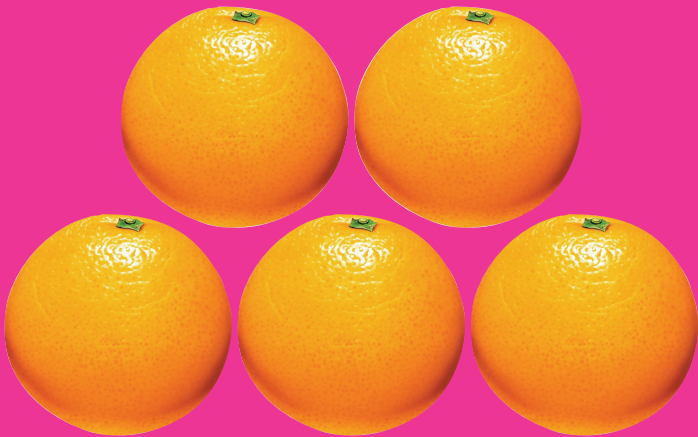
gè táo zi
4 个桃子



5

five

gè chéng zǐ
5 个橙子



six

6 gè pí qiú
6 个皮球

6



7

seven

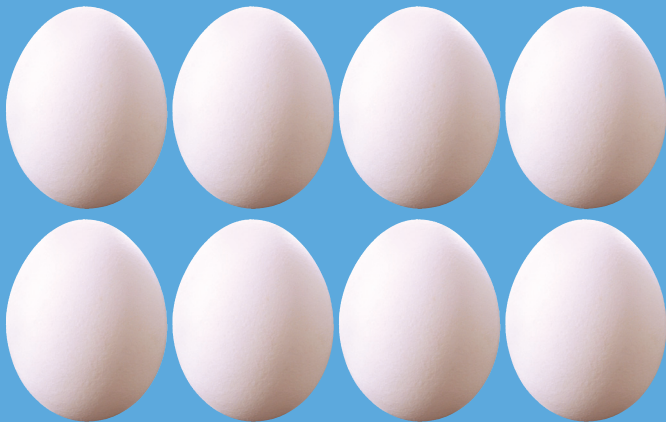
kē táng guǒ
7 颗糖果



eight

8 gè jī dàn
个鸡蛋

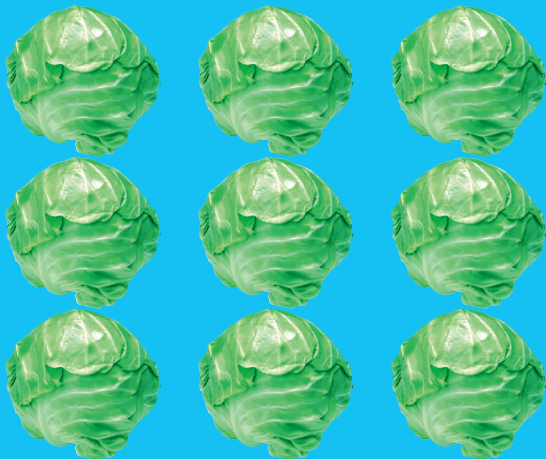
8



9

nine

kē juǎn xīn cài
9 棵卷心菜



ten

gè máng guǒ
10 个芒果

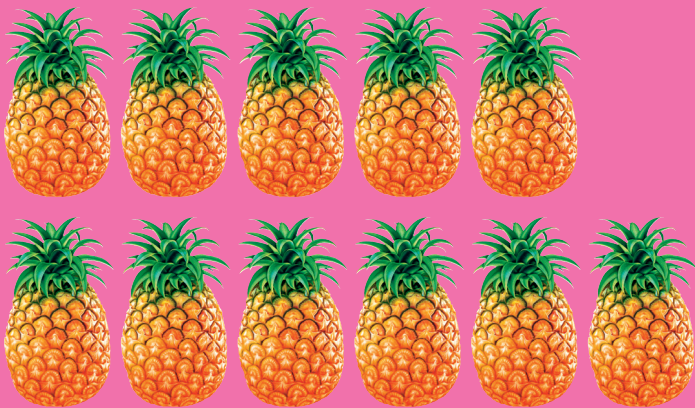
10



11

eleven

gè bō luó
11 个菠萝



twelve

gè fā jiá
12 个发夹

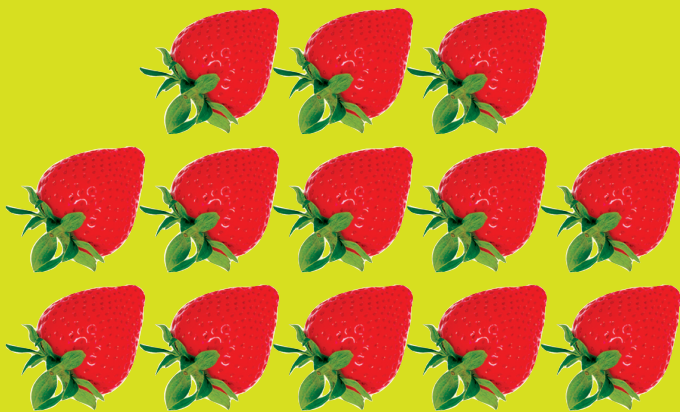
12



13

thirteen

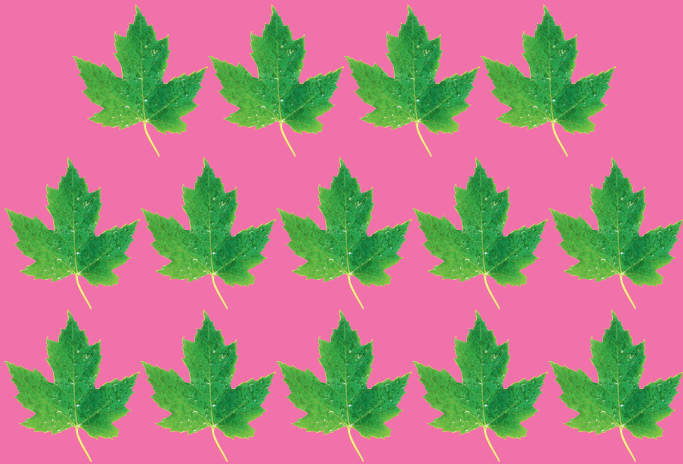
gè cǎo méi
13 个草莓



fourteen

piàn shù yè
14 片树叶

14



15

fifteen

kuài bǐng gān

15 块饼干



sixteen

běn shū
16 本书

16

